

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 770/2020/DS-ST
Ngày: 30 - 9 - 2020
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Quốc Cường

- Bà Lê Thị Thanh Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 563/2019/TLST-KDTM ngày 06 tháng 8 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2020/QĐXXST-KDTM ngày 24 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 99/2020/QĐST-KDTM ngày 11 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần A.

Trụ sở: 648 Đường N, Phường M, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Lê Nhất D, sinh năm 1984 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp Q, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

(Giấy ủy quyền số: 115/UQ.20 ngày 01/7/2020)

Bị đơn: Công ty Cổ phần N (vắng mặt).

Trụ sở: 37 Đường A, Phường C, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật:

- Ông Lê Đăng M, sinh năm 1986;

- Ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1973.

Cùng nơi cư trú: 37 Đường A, Phường C, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/7/2019 của Công ty Cổ phần A và quá trình giải quyết vụ án, ông Hồ Lê Nhất D là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 11 tháng 01 năm 2016, Công ty Cổ phần A (sau đây gọi tắt là Công ty A) và Công ty Cổ phần N (sau đây gọi tắt là Công ty N) ký Hợp đồng cung cấp và sử dụng

dịch vụ thẻ thành viên V.T, mã số/(Code): 15499HCM/VMC. Theo hợp đồng, Công ty A cung cấp thẻ dịch vụ đi taxi trả tiền vào cuối tháng theo yêu cầu của Công ty N, sau mỗi lần sử dụng dịch vụ taxi, người sử dụng đưa thẻ cho lái xe của Công ty A quẹt thẻ trên máy Pos, số tiền thanh toán hiển thị trên 2 biên lai, khách hàng giữ 1 biên lai và tài xế giữ 1 biên lai. Đến cuối tháng, bên Công ty A sẽ fax cho Công ty N bảng kê chi tiết số tiền mà Công ty N đã sử dụng taxi trong tháng để đối chiếu và hai bên thanh toán với nhau theo thỏa thuận trong hợp đồng. Sau ký hợp đồng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đã thỏa thuận nhưng Công ty N không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán. Ngày 09/4/2019, Công ty A và Công ty N ký Bảng kê đối chiếu công nợ theo đó Công ty N còn phải thanh toán cho Công ty A 14.074.609 đồng. Do Công ty A còn giữ tiền ký quỹ của Công ty N là 5.000.000 đồng, vì vậy Công ty A yêu cầu Tòa án buộc Công ty N thanh toán số tiền nợ cước taxi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 14.074.609 đồng - 5.000.000 đồng = 9.074.609 đồng.

Tại phiên tòa:

Đại diện Công ty A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc Công ty N thanh toán số tiền nợ cước taxi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 9.074.609 đồng.

Bị đơn Công ty N vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Công ty A khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng dịch vụ đối với bị đơn Công ty N có trụ sở tại quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn:

Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý; giấy triệu tập; thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập tham gia phiên tòa; quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn Công ty N vắng mặt. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng Công ty N vẫn vắng mặt. Vì vậy, Công ty N đã vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ, tự tước bỏ quyền được

chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

Căn cứ quy định tại các Điều 196, 207, 208, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ cước taxi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 9.074.609 đồng.

Căn cứ vào Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ thẻ thành viên V.T, mã số/(code): 15499HCM/VMC ngày 11 tháng 01 năm 2016 được lập và có chữ ký giữa Công ty A và Công Ty N đủ cơ sở để xác định các bên có giao kết hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ thẻ thành viên V.T. Công ty A xác nhận hiện đang giữ 5.000.000 đồng tiền ký quỹ của Công ty N. Sau khi ký hợp đồng các bên thực hiện các giao dịch theo thỏa thuận, đến ngày 09/4/2019 Công ty A và Công Ty N xác nhận tại Bảng kê đối chiếu công nợ với nội dung Công ty N còn phải thanh toán cho Công ty A sau khi đã trừ 5.000.000 đồng tiền ký quỹ là 14.074.609 đồng – 5.000.000 đồng = 9.074.609 đồng.

Bị đơn đã xâm phạm đến quyền và lợi ích của nguyên đơn, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán trả số tiền 9.074.603 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 50 Luật thương mại nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty N phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải thanh toán.

- Công ty A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 264, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 50, Điều 306 Luật thương mại năm 2005;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần A.

Buộc Công ty Cổ phần N phải thanh toán cho Công ty Cổ phần A số tiền nợ cước taxi tạm tính đến ngày 30/9/2020 là 9.074.609 (chín triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn sáu trăm lẻ chín đồng) theo Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ thẻ thành viên

V.T, mã số/(code): 15499HCM/VMC ngày 11 tháng 01 năm 2016; Bảng kê đối chiếu công nợ ngày 09/4/2019 giữa Công ty Cổ phần A và Công ty Cổ phần N.

Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

- Công ty Cổ phần N phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.000.000 (ba triệu đồng).

- Công ty Cổ phần A không phải chịu án phí. Hoàn lại cho Công ty Cổ phần A 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0042052 ngày 02/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty Cổ phần A (đối với các khoản tiền phải trả cho Công ty Cổ phần A) cho đến khi thi hành án xong, Công ty Cổ phần N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CC THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Quỳnh